

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 02/2016/TT-TANDTC

Hà Nội, ngày 03 tháng 02 năm 2016

THÔNG TƯ

**Ban hành Quy chế thi tuyển chọn Thẩm phán sơ cấp,
Thẩm phán trung cấp, Thẩm phán cao cấp**

*Căn cứ Luật Tổ chức Tòa án nhân dân năm 2014;**Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2008;**Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tổ chức Cán bộ,**Chánh án Tòa án nhân dân tối cao quyết định:*

Điều 1. Ban hành kèm theo Thông tư này Quy chế thi tuyển chọn Thẩm phán sơ cấp, Thẩm phán trung cấp, Thẩm phán cao cấp.

Điều 2. Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 17 tháng 3 năm 2016.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Tổ chức - Cán bộ, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành thông tư này./.

CHÁNH ÁN**Trương Hòa Bình**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY CHẾ

**Thi tuyển chọn Thẩm phán sơ cấp,
Thẩm phán trung cấp, Thẩm phán cao cấp**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 02/2016/TT-TANDTC ngày 03/02/2016
của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao)*

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định về việc thi tuyển chọn Thẩm phán sơ cấp, Thẩm phán trung cấp, Thẩm phán cao cấp và thi nâng ngạch từ Thẩm phán sơ cấp lên Thẩm phán trung cấp, từ Thẩm phán trung cấp lên Thẩm phán cao cấp của Tòa án nhân dân.

Điều 2. Đối tượng dự thi

1. Người có đủ tiêu chuẩn quy định tại Điều 67 và điều kiện quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều 68 Luật Tổ chức Tòa án nhân dân thì có thể được tham gia thi tuyển chọn Thẩm phán sơ cấp.

2. Người đang là Thẩm phán sơ cấp có đủ điều kiện quy định tại điểm a, điểm b khoản 2 Điều 68 Luật Tổ chức Tòa án nhân dân thì có thể được tham gia thi nâng ngạch lên Thẩm phán trung cấp.

3. Người chưa là Thẩm phán sơ cấp, nhưng có đủ tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại điểm a, điểm b, điểm c khoản 3 Điều 68 Luật Tổ chức Tòa án nhân dân thì có thể tham gia dự thi để tuyển chọn, bổ nhiệm làm Thẩm phán trung cấp trong trường hợp do nhu cầu công tác cán bộ của Tòa án nhân dân.

4. Người đang là Thẩm phán trung cấp có đủ điều kiện quy định tại điểm a, điểm b khoản 4 Điều 68 Luật Tổ chức Tòa án nhân dân thì có thể được tham gia thi nâng ngạch lên Thẩm phán cao cấp.

5. Người chưa là Thẩm phán trung cấp nhưng có đủ tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại điểm a, điểm b, điểm c khoản 5 Điều 68 Luật Tổ chức Tòa án nhân dân thì có thể tham gia dự thi để tuyển chọn, bổ nhiệm làm Thẩm phán cao cấp trong trường hợp do nhu cầu công tác cán bộ của Tòa án nhân dân.

Điều 3. Nguyên tắc thi tuyển chọn, thi nâng ngạch Thẩm phán

1. Đối tượng dự thi tuyển phải đáp ứng đủ các điều kiện dự thi tương ứng với ngạch dự thi.

2. Việc thi tuyển chọn, thi nâng ngạch Thẩm phán được thực hiện theo nguyên tắc cạnh tranh, bảo đảm quy trình chặt chẽ, minh bạch, công khai, công bằng và dân chủ nhằm lựa chọn những người có đủ điều kiện, tiêu chuẩn để đề nghị bổ nhiệm làm Thẩm phán sơ cấp, Thẩm phán trung cấp, Thẩm phán cao cấp.

3. Kỳ thi tuyển chọn, thi nâng ngạch Thẩm phán được tổ chức riêng cho từng đối tượng dự thi theo quy định tại Điều 2 Quy chế này hoặc thi chung cho một số đối tượng dự thi. Việc tổ chức thi chung hoặc thi riêng do Hội đồng thi tuyển chọn Thẩm phán sơ cấp, Thẩm phán trung cấp, Thẩm phán cao cấp quyết định.

4. Thi tuyển chọn, thi nâng ngạch Thẩm phán được tổ chức ít nhất mỗi năm 02 kỳ, trường hợp cần thiết, Chủ tịch Hội đồng thi tuyển chọn Thẩm phán sơ cấp, Thẩm phán trung cấp, Thẩm phán cao cấp quyết định bổ sung kỳ thi.

5. Thời gian, địa điểm thi, nội dung các môn thi, hình thức thi do Hội đồng thi tuyển chọn Thẩm phán sơ cấp, Thẩm phán trung cấp, Thẩm phán cao cấp quyết định.

6. Hội đồng thi tuyển chọn Thẩm phán sơ cấp, Thẩm phán trung cấp, Thẩm phán cao cấp ủy quyền cho Học viện Tòa án tổ chức kỳ thi. Học viện Tòa án thành lập Hội đồng thi và các ban giúp việc để tổ chức thi theo sự ủy quyền.

7. Việc tổ chức thi tuyển chọn, thi nâng ngạch Thẩm phán được thực hiện theo quy định của Luật Tổ chức Tòa án nhân dân, Luật cán bộ công chức, các văn bản hướng dẫn thi hành và những quy định tại Quy chế này.

Điều 4. Thanh tra, giám sát kỳ thi

1. Chủ tịch Hội đồng thi tuyển chọn Thẩm phán sơ cấp, Thẩm phán trung cấp, Thẩm phán cao cấp quyết định thành lập Ban Thanh tra để giám sát quá trình chuẩn bị và tổ chức kỳ thi tuyển chọn, thi nâng ngạch Thẩm phán.

2. Cơ cấu tổ chức của Ban Thanh tra

a) Ban Thanh tra gồm đại diện Lãnh đạo Vụ Tổ chức - Cán bộ làm Trưởng ban, đại diện Lãnh đạo Ban Thanh tra Tòa án nhân dân tối cao làm Phó Trưởng ban. Các ủy viên gồm một số công chức của Vụ Tổ chức - Cán bộ, Ban Thanh tra Tòa án nhân dân tối cao và đại diện Bộ Nội vụ;

b) Không cử làm thành viên Ban Thanh tra những người thân thích của người dự thi; những người đang trong quá trình thanh tra, kiểm tra; những người đang trong thời gian bị xem xét xử lý kỷ luật hoặc đang thi hành quyết định kỷ luật.

3. Nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Thanh tra:

a) Kiểm tra về tiêu chuẩn, điều kiện của các thành viên Hội đồng thi; tiêu chuẩn, điều kiện của các thành viên các ban giúp việc Hội đồng thi;

b) Kiểm tra, giám sát quá trình ra đề thi, tổ chức coi thi, rọc phách, chấm thi, ghép phách, phúc khảo bài thi;

c) Kiểm tra, giám sát việc thực hiện các quy định về tổ chức kỳ thi, về thực hiện quy chế và nội quy của kỳ thi;

d) Báo cáo Chánh án Tòa án nhân dân tối cao về kết quả công tác thanh tra giám sát kỳ thi. Kiến nghị Hội đồng thi tuyển chọn Thẩm phán sơ cấp, Thẩm phán trung cấp, Thẩm phán cao cấp thẩm định lại kết quả thi;

đ) Thành viên Ban Thanh tra được quyền vào nơi làm việc của Hội đồng thi, nơi tổ chức thi, vào các phòng thi, nơi tổ chức đánh số phách, rọc phách, ghép phách... theo sự phân công của Trường ban. Khi phát hiện có sai phạm, thành viên Ban Thanh tra có quyền nhắc nhở người dự thi, thành viên các ban giúp việc Hội đồng thi thực hiện đúng quy chế và nội quy của kỳ thi, trường hợp cần thiết có quyền lập biên bản về sai phạm của người dự thi, thành viên Hội đồng thi, thành viên các ban giúp việc Hội đồng thi để báo cáo Chánh án Tòa án nhân dân tối cao;

e) Thành viên Ban Thanh tra khi làm nhiệm vụ phải đeo thẻ và phải tuân thủ đúng quy chế, nội quy của kỳ thi; nếu vi phạm quy chế, nội quy của kỳ thi hoặc có hành vi khác làm ảnh hưởng đến kết quả của kỳ thi thì người phát hiện hoặc Chủ tịch Hội đồng thi báo cáo Chánh án Tòa án nhân dân tối cao để kịp thời đình chỉ nhiệm vụ thanh tra, giám sát kỳ thi và xử lý theo quy định của pháp luật;

g) Nhiệm vụ cụ thể của Phó Trường ban và các ủy viên Ban Thanh tra do Trường ban phân công.

Điều 5. Các hành vi bị cấm trong công tác thi tuyển chọn Thẩm phán

1. Dùng ảnh hưởng cá nhân để tác động, can thiệp hoặc cố ý báo cáo sai hoặc không trung thực về các thông tin làm sai lệch kết quả thi tuyển.

2. Vi phạm quy chế thi tuyển hoặc tiết lộ các tài liệu có liên quan khác đã được đóng dấu bảo mật, dấu niêm phong theo quy định của pháp luật về bảo mật.

3. Bố trí để người thân thích tham gia dự thi mà mình làm thành viên Ban giúp việc ra đề thi, coi thi, chấm thi hoặc là người phê duyệt kết quả thi tuyển.

Điều 6. Giải thích từ ngữ

Trong Quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. “*Người dự thi*” là người có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định đăng ký thi tuyển Thẩm phán sơ cấp, Thẩm phán trung cấp, Thẩm phán cao cấp được đơn vị đang công tác tín nhiệm, giới thiệu đăng ký thi tuyển và được Hội đồng thi tuyển chọn Thẩm phán sơ cấp, Thẩm phán trung cấp, Thẩm phán cao cấp phê duyệt.

2. “*Người trúng tuyển*” là người có kết quả thi tuyển đạt điểm chuẩn theo quy định và đáp ứng các điều kiện của kỳ thi, được cấp giấy chứng nhận trúng tuyển.

3. “*Người thân thích*” là người có quan hệ sau đây với người dự thi, bên vợ (bên chồng) của người dự thi:

- a) Là vợ, chồng, cha đẻ, mẹ đẻ, cha nuôi, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi;
- b) Là ông nội, bà nội, ông ngoại, bà ngoại, anh ruột, chị ruột, em ruột;
- c) Là bác ruột, chú ruột, cậu ruột, cô ruột, dì ruột;
- d) Là con của anh ruột, chị ruột, em ruột;
- đ) Là cháu mà người dự thi là ông nội, bà nội, ông ngoại, bà ngoại.

4. “*Hội đồng thi tuyển chọn Thẩm phán sơ cấp, Thẩm phán trung cấp, Thẩm phán cao cấp*” là Hội đồng được thành lập theo khoản 1 và có nhiệm vụ, quyền hạn theo khoản 2, Điều 73 Luật Tổ chức Tòa án nhân dân năm 2014.

5. “*Hội đồng thi*”, Hội đồng thi do Giám đốc Học viện Tòa án quyết định thành lập để tổ chức kỳ thi theo sự ủy quyền của Hội đồng thi tuyển chọn Thẩm phán sơ cấp, Thẩm phán trung cấp, Thẩm phán cao cấp.

Chương II

CHUẨN BỊ TỔ CHỨC KỲ THI

Điều 7. Công tác chuẩn bị kỳ thi

1. Hàng năm, căn cứ nhu cầu công tác của Tòa án nhân dân, Vụ Tổ chức - Cán bộ có trách nhiệm rà soát số lượng biên chế Thẩm phán của các Tòa án nhân dân cấp cao và Tòa án nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Xây dựng kế hoạch bổ sung Thẩm phán, đề xuất mở lớp đào tạo để thi tuyển chọn Thẩm phán sơ cấp; thi tuyển chọn, thi nâng ngạch Thẩm phán trung cấp, Thẩm phán cao cấp và trình Chánh án Tòa án nhân dân tối cao xem xét, phê duyệt.

2. Sau khi được Chánh án Tòa án nhân dân tối cao phê duyệt Kế hoạch thi tuyển chọn Thẩm phán sơ cấp; thi tuyển chọn, thi nâng ngạch Thẩm phán trung cấp, Thẩm phán cao cấp, Vụ Tổ chức - Cán bộ tiến hành đăng thông báo về kế hoạch thi trên Cổng thông tin điện tử của Tòa án nhân dân tối cao, Báo Công lý, đồng thời niêm yết công khai tại trụ sở làm việc của Tòa án nhân dân tối cao để những người có đủ điều kiện, tiêu chuẩn biết và đăng ký dự thi. Các cơ quan, tổ chức quản lý người dự thi lập và gửi danh sách cùng hồ sơ người dự thi theo mẫu về Vụ Tổ chức - Cán bộ theo thời hạn do Hội đồng thi tuyển chọn Thẩm phán sơ cấp, Thẩm phán trung cấp, Thẩm phán cao cấp ấn định.

3. Học viện Tòa án có trách nhiệm xây dựng nội dung chương trình đào tạo, bồi dưỡng thi tuyển chọn Thẩm phán sơ cấp; thi tuyển chọn, thi nâng ngạch Thẩm phán trung cấp, Thẩm phán cao cấp báo cáo Hội đồng thi tuyển chọn Thẩm phán sơ cấp, Thẩm phán trung cấp, Thẩm phán cao cấp phê duyệt và ủy quyền cho Học viện Tòa án thực hiện.

Điều 8. Đăng ký dự thi

1. Người đăng ký dự thi phải có đủ điều kiện, tiêu chuẩn theo đúng đối tượng quy định tại Điều 2 Quy chế này;

2. Người dự thi đủ tiêu chuẩn bổ nhiệm Thẩm phán theo quy định và đảm bảo còn thời gian công tác ít nhất từ đủ 01 nhiệm kỳ Thẩm phán kể từ ngày được bổ nhiệm (thời hạn cho nhiệm kỳ đầu là 05 năm);

3. Ngoài bảo đảm quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này, người dự thi phải đáp ứng các điều kiện khác do Hội đồng thi quy định cho mỗi kỳ thi cụ thể.

Điều 9. Hồ sơ đăng ký dự thi gồm

1. Đơn đăng ký dự thi (theo mẫu);
2. Sơ yếu lý lịch (theo mẫu 2C -BNV/2008);
3. Giấy chứng nhận sức khỏe theo quy định;
4. Bản sao bằng tốt nghiệp ngành luật (từ cử nhân luật trở lên);
5. Bản sao Chứng chỉ tốt nghiệp đào tạo nghiệp vụ xét xử (đối với thi tuyển chọn Thẩm phán); Quyết định bổ nhiệm Thẩm phán (đối với thi nâng ngạch Thẩm phán);
6. Văn bản nhận xét, đánh giá và đề nghị của cơ quan, đơn vị có thẩm quyền quản lý người đăng ký dự thi;
7. Các tài liệu khác theo thông báo của Hội đồng thi.

Điều 10. Thẩm định hồ sơ đăng ký dự thi và ủy quyền tổ chức thi

1. Trong thời hạn 20 ngày sau khi hết hạn nộp hồ sơ, Vụ Tổ chức - Cán bộ phải hoàn thành công tác thẩm định hồ sơ đăng ký dự thi, báo cáo thẩm định và trình Chánh án Tòa án nhân dân tối cao xem xét.

2. Chánh án Tòa án nhân dân tối cao tổ chức họp Hội đồng thi tuyển chọn Thẩm phán sơ cấp, Thẩm phán trung cấp, Thẩm phán cao cấp để quyết định.

- a) Duyệt danh sách những người có đủ tiêu chuẩn và điều kiện dự thi;
- b) Quyết định thời gian, địa điểm tổ chức thi, nội dung các môn thi, hình thức thi;
- c) Phê duyệt chương trình đào tạo, bồi dưỡng của Học viện Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 7 Quy chế này;

- d) Quyết định việc ủy quyền cho Học viện Tòa án mở lớp đào tạo, bồi dưỡng và tổ chức thi tuyển chọn, thi nâng ngạch Thẩm phán;
- đ) Quyết định những vấn đề khác.

Chương III

HỘI ĐỒNG THI VÀ CÁC BAN GIÚP VIỆC

Điều 11. Hội đồng thi

Hội đồng thi do Giám đốc Học viện Tòa án quyết định thành lập theo sự ủy quyền của Hội đồng thi tuyển chọn Thẩm phán sơ cấp, Thẩm phán trung cấp, Thẩm phán cao cấp.

Hội đồng thi tổ chức kỳ thi tuyển chọn, thi nâng ngạch Thẩm phán theo thời gian, địa điểm, nội dung các môn thi, hình thức thi mà Hội đồng thi tuyển chọn Thẩm phán sơ cấp, Thẩm phán trung cấp, Thẩm phán cao cấp quyết định.

Hội đồng thi tự giải thể sau khi hoàn thành công tác tổ chức kỳ thi.

Điều 12. Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng thi

1. Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng và cấp chứng chỉ đào tạo, bồi dưỡng cho người dự thi;
2. Thông báo thời gian, địa điểm tổ chức thi, hình thức thi, nội dung các môn thi;
3. Tổ chức kỳ thi tuyển chọn, thi nâng ngạch Thẩm phán theo sự ủy quyền của Hội đồng thi tuyển chọn Thẩm phán sơ cấp, Thẩm phán trung cấp, Thẩm phán cao cấp;
4. Thành lập các ban giúp việc gồm: Ban Đề thi, Ban Coi thi, Ban Phách, Ban Chấm thi, Ban Phúc khảo để tổ chức kỳ thi;
5. Tổng hợp, báo cáo Chủ tịch Hội đồng thi tuyển chọn Thẩm phán sơ cấp, Thẩm phán trung cấp, Thẩm phán cao cấp về kết quả kỳ thi;
6. Giải quyết khiếu nại, tố cáo trong quá trình tổ chức kỳ thi.

Điều 13. Các ban giúp việc Hội đồng thi

Các ban giúp việc của Hội đồng thi do Chủ tịch Hội đồng thi quyết định thành lập và hoạt động theo quy định tại Quy chế này.

Các ban giúp việc tự giải thể sau khi hoàn thành công tác tổ chức kỳ thi.

Không cử làm thành viên các ban giúp việc Hội đồng thi những người thân thích của người dự thi; những người đang trong quá trình thanh tra, kiểm tra; những người đang trong thời gian bị xem xét xử lý kỷ luật hoặc đang thi hành quyết định kỷ luật;

Các ban giúp việc Hội đồng thi gồm:

1. Ban Thư ký Hội đồng thi

1.1. Ban Thư ký Hội đồng thi gồm Trưởng ban, Phó Trưởng ban và các thành viên.

Trưởng ban Ban Thư ký có trách nhiệm phân công nhiệm vụ cho các thành viên giúp Hội đồng thi tổ chức kỳ thi theo đúng quy chế và nội quy thi.

Phó Trưởng ban giúp Trưởng ban điều hành một số hoạt động theo sự phân công của Trưởng ban.

1.2. Nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Thư ký Hội đồng thi:

a) Giúp Hội đồng thi tổ chức công tác đào tạo, bồi dưỡng cho người dự thi hoặc gửi tài liệu cho người dự thi tự ôn thi;

b) Sắp xếp phòng thi theo danh sách đã được duyệt;

c) Chuẩn bị các văn bản, tài liệu cần thiết của Hội đồng thi và ghi biên bản các cuộc họp của Hội đồng thi;

d) Nhận và kiểm tra niêm phong bài thi từ Trưởng ban Ban Coi thi, bàn giao bài thi cho Trưởng ban Ban Phách để đánh số và rọc phách; nhận bài thi đã rọc phách và đánh số phách bàn giao cho Trưởng ban Ban Chấm thi để tổ chức chấm thi;

đ) Nhận kết quả thi từ Ban Chấm thi để tổng hợp, báo cáo kết quả thi với Hội đồng thi;

e) Tiếp nhận đơn khiếu nại, tố cáo và báo cáo Chủ tịch Hội đồng thi xem xét giải quyết khiếu nại, tố cáo;

g) Tiếp nhận đơn xin phúc khảo, báo cáo Chủ tịch Hội đồng thi xem xét giải quyết phúc khảo; chuyển bài thi cho Ban Phúc khảo, nhận kết quả chấm phúc khảo và thông báo kết quả cho người đề nghị phúc khảo;

h) Tổ chức việc thu phí dự thi, quản lý chi tài chính phục vụ kỳ thi và thanh quyết toán phí dự thi theo quy định.

2. Ban Đề thi

2.1. Ban Đề thi gồm Trưởng ban, Phó Trưởng ban và các thành viên.

2.2. Thành viên Ban Đề thi:

a) Thành viên Ban Đề thi phải là người có trình độ Thạc sỹ Luật trở lên hoặc là người có nhiều kinh nghiệm đối với môn thi;

b) Người được cử làm thành viên Ban Đề thi không được tham gia Ban Coi thi.

2.3. Nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Đề thi:

a) Giúp Hội đồng thi xây dựng đề thi, ngân hàng câu hỏi, đáp án và thang điểm chi tiết;

b) Các thành viên Ban Đề thi có trách nhiệm giữ bí mật đề thi, ngân hàng câu hỏi và đáp án theo quy định.

3. Ban Coi thi

3.1. Ban Coi thi gồm Trưởng ban, Phó trưởng ban, các Giám thị.

Người tham gia Ban Coi thi không được tham gia Ban Đề thi và Ban Chấm thi;

3.2. Nhiệm vụ, quyền hạn của Trưởng ban Ban Coi thi:

a) Giúp Hội đồng thi tổ chức coi thi theo đúng quy chế và nội quy của kỳ thi;

b) Bố trí phòng thi, phân công nhiệm vụ cho Phó Trưởng ban và từng thành viên của Ban Coi thi;

c) Nhận và bảo quản đề thi theo đúng quy định;

d) Tạm đình chỉ việc coi thi của Giám thị và báo cáo Chủ tịch Hội đồng thi quyết định, đình chỉ thi đối với người dự thi nếu thấy có căn cứ vi phạm nội quy, quy chế của kỳ thi;

đ) Tổ chức thu bài thi của người dự thi và niêm phong bài thi để bàn giao cho Ban Thư ký Hội đồng thi.

3.3. Nhiệm vụ, quyền hạn của Phó Trưởng ban Ban Coi thi:

Phó Trưởng ban Ban Coi thi giúp Trưởng ban điều hành một số hoạt động coi thi theo sự phân công của Trưởng ban.

3.4. Phân công Giám thị

Trưởng ban Ban Coi thi phân công nhiệm vụ cho các thành viên làm Giám thị phòng thi và Giám thị hành lang.

Mỗi phòng thi được phân công từ 2 đến 3 Giám thị, trong đó một Giám thị được phân công chịu trách nhiệm chính trong việc tổ chức thi tại phòng thi (gọi là Giám thị 1). Giám thị 1 phân công nhiệm vụ cụ thể cho các Giám thị tại phòng thi.

3.5. Nhiệm vụ, quyền hạn của Giám thị phòng thi:

a) Kiểm tra phòng thi, đánh số báo danh của người dự thi vào chỗ ngồi tại phòng thi;

b) Gọi người dự thi vào phòng thi, hướng dẫn người dự thi ngồi theo đúng vị trí, chỉ cho phép người dự thi mang vào phòng thi những vật dụng theo quy định;

c) Ký vào giấy làm bài thi và giấy nháp theo quy định, phát giấy thi, giấy nháp cho người dự thi, phổ biến nội quy thi và các quy định về làm bài thi;

d) Nhận đề thi, kiểm tra niêm phong đề thi có sự chứng kiến của ít nhất 02 người dự thi, mở đề thi, chép đề thi lên bảng hoặc phát đề thi cho người dự thi theo quy định;

đ) Phát hiện, nhắc nhở người dự thi vi phạm quy chế thi, trường hợp người dự thi vi phạm nghiêm trọng quy chế thi thì lập biên bản và báo cáo ngay Trưởng ban Ban Coi thi;

e) Thu, kiểm và bàn giao bài thi cùng đề thi nhân bản còn dư cho Trưởng ban Ban Coi thi theo đúng quy định.

3.6. Nhiệm vụ, quyền hạn của Giám thị hành lang:

a) Thực hiện nhiệm vụ của Giám thị bên ngoài phòng thi, có trách nhiệm phát hiện, nhắc nhở, phê bình, cùng Giám thị phòng thi lập biên bản người dự thi vi phạm quy chế thi ở khu vực hành lang;

b) Trường hợp vi phạm nghiêm trọng như gây mất trật tự, an toàn ở khu vực hành lang phải báo cáo ngay cho Trưởng ban coi thi xem xét, giải quyết;

c) Giám thị hành lang không được vào phòng thi.

4. Ban Phách

4.1. Ban Phách gồm Trưởng ban và các thành viên.

Người được cử làm thành viên Ban Phách không được tham gia Ban Chấm thi.

4.2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Phách:

a) Trưởng ban Ban Phách có trách nhiệm phân công nhiệm vụ cụ thể cho các thành viên Ban Phách để thực hiện việc đánh số phách và rọc phách các bài thi theo quy định của kỳ thi. Niêm phong phách và bài thi đã được rọc phách, bàn giao cho Ban Thư ký Hội đồng thi;

b) Các thành viên Ban Phách có trách nhiệm bảo đảm bí mật số phách theo quy định.

5. Ban Chấm thi

5.1. Ban Chấm thi gồm Trưởng ban, Phó Trưởng ban và các thành viên.

Thành viên Ban Chấm thi phải là người có trình độ thạc sỹ Luật trở lên hoặc là người có nhiều kinh nghiệm đối với môn thi;

Thành viên Ban Chấm thi không bao gồm những người đã tham gia Ban Coi thi và Ban Phách.

5.2. Nhiệm vụ, quyền hạn của Trưởng ban Ban Chấm thi:

a) Giúp Hội đồng thi thực hiện việc chấm thi theo quy định;

b) Phân công các thành viên trong Ban Chấm thi;

c) Nhận và phân chia bài thi cho các thành viên Ban Chấm thi, bàn giao kết quả chấm thi cho Ban Thư ký Hội đồng thi;

d) Lập biên bản và báo cáo Chủ tịch Hội đồng thi xem xét và giải quyết khi phát hiện bài thi của người dự thi vi phạm nội quy, quy chế của kỳ thi;

đ) Tổng hợp kết quả chấm thi, bàn giao cho Ban Thư ký Hội đồng thi, giữ bí mật kết quả chấm thi;

e) Quyết định chấm lại bài thi hoặc quyết định lại điểm bài thi trong trường hợp các thành viên chấm thi chấm lệch nhau trên 10% so với điểm tối đa bài thi.

5.3. Nhiệm vụ, quyền hạn của Phó Trưởng ban Ban Chấm thi:

Phó Trưởng ban Ban Chấm thi giúp Trưởng ban điều hành một số hoạt động chấm thi theo sự phân công của Trưởng ban.

5.4. Nhiệm vụ, quyền hạn của thành viên Ban Chấm thi:

a) Chấm điểm các bài thi theo đúng đáp án và thang điểm;

b) Báo cáo dấu hiệu vi phạm trong các bài thi với Trưởng ban Chấm thi và đề nghị hình thức xử lý.

6. Ban Phúc khảo

7.1. Ban Phúc khảo gồm Trưởng ban và các thành viên.

Ban Phúc khảo được Chủ tịch Hội đồng thi quyết định thành lập khi có đơn của người dự thi đề nghị phúc khảo đối với bài thi.

Thành viên Ban Phúc khảo phải là người có trình độ Thạc sỹ Luật trở lên hoặc là người có nhiều kinh nghiệm đối với môn thi.

Thành viên Ban Phúc khảo không bao gồm những người đã tham gia Ban Chấm thi.

7.2. Nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Phúc khảo:

a) Khi nhận được đơn phúc khảo từ Ban Thư ký, các thành viên Ban Phúc khảo giúp Hội đồng thi chấm phúc khảo theo quy định;

b) Trao đổi và thống nhất ý kiến của các thành viên trong Ban Phúc khảo để có kết quả chấm phúc khảo chính xác;

c) Tổng hợp kết quả chấm phúc khảo, sau đó bàn giao bài chấm phúc khảo cho Ban Thư ký Hội đồng thi.

Điều 14. Công nhận và thông báo kết quả thi

Chậm nhất là 03 ngày sau khi hoàn thành công tác tổng hợp kết quả thi, Chủ tịch Hội đồng thi được ủy quyền phải báo cáo Chủ tịch Hội đồng thi tuyển chọn Thẩm phán sơ cấp, Thẩm phán trung cấp, Thẩm phán cao cấp về kết quả tổ chức thi.

Chủ tịch Hội đồng thi tuyển chọn Thẩm phán sơ cấp, Thẩm phán trung cấp, Thẩm phán cao cấp xem xét công nhận kết quả thi.

Hội đồng thi niêm yết kết quả thi tại nơi tổ chức thi và đăng trên Cổng thông tin điện tử của Tòa án nhân dân tối cao.

Điều 15. Xác định người trúng tuyển

Người trúng tuyển trong kỳ thi tuyển chọn, thi nâng ngạch Thẩm phán phải có đầy đủ các điều kiện sau đây:

1. Dự thi và có đủ các bài thi của các môn thi; có điểm của mỗi bài thi từ 5/10 điểm trở lên theo thang điểm của từng môn thi.
2. Có kết quả thi tuyển trong số cao nhất theo thứ tự từ cao xuống thấp trong phạm vi chỉ tiêu Thẩm phán được tuyển chọn, nâng ngạch.
3. Trường hợp có từ 02 người trở lên có kết quả thi tuyển bằng nhau ở vị trí cuối cùng theo khoản 2 Điều này mà chỉ tiêu Thẩm phán được tuyển chọn, nâng ngạch không đủ cho cả số những người đó thì người trúng tuyển là người có điểm bài thi viết cao hơn. Nếu điểm bài thi viết bằng nhau thì tổ chức phần thi phụ hoặc Chủ tịch Hội đồng thi xem xét các điều kiện, tiêu chuẩn khác để quyết định người trúng tuyển.

Điều 16. Giải quyết khiếu nại, tố cáo

1. Trong quá trình tổ chức kỳ thi nếu có đơn khiếu nại, tố cáo, Chủ tịch Hội đồng thi phải xem xét giải quyết trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đơn khiếu nại, tố cáo.
2. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày có thông báo điểm thi, người dự thi có quyền gửi đơn đề nghị phúc khảo kết quả bài thi đến Hội đồng thi. Ban Thư ký Hội đồng thi tổng hợp, báo cáo Chủ tịch Hội đồng thi để tổ chức chấm phúc khảo.
3. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận đơn phúc khảo, Ban Phúc khảo chấm phúc khảo và báo cáo Chủ tịch Hội đồng thi kết quả chấm phúc khảo. Kết quả chấm phúc khảo được tổng hợp vào kết quả thi và thông báo cho người có yêu cầu phúc khảo.
4. Chỉ xem xét giải quyết đơn đề nghị phúc khảo được gửi đến trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến Hội đồng thi (qua Ban Thư ký Hội đồng thi). Không thực hiện chấm phúc khảo đối với hình thức thi vấn đáp, bảo vệ chuyên đề.

Điều 17. Lưu trữ tài liệu

1. Tài liệu về kỳ thi bao gồm: các văn bản về tổ chức kỳ thi của Hội đồng thi, Chủ tịch Hội đồng thi; danh sách dự thi; các loại văn bản, biên bản phục vụ cho

việc tổ chức thi, chấm thi; nội quy thi, đề thi gốc, đáp án, thang điểm của đề thi; tài liệu hướng dẫn (nếu có); quyết định công nhận kết quả thi; biên bản phúc khảo; kết luận giải quyết khiếu nại, tố cáo và các loại tài liệu khác của kỳ thi...

2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày kết thúc kỳ thi, Hội đồng thi có trách nhiệm bàn giao các tài liệu quy định khoản 1 Điều này về Vụ Tổ chức - Cán bộ để lưu trữ theo chế độ hiện hành.

Chương IV **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Điều 18. Trách nhiệm thực hiện

1. Chủ tịch Hội đồng thi tuyển chọn Thẩm phán sơ cấp, Thẩm phán trung cấp, Thẩm phán cao cấp có trách nhiệm chỉ đạo công tác thi.

2. Vụ trưởng Vụ Tổ chức - Cán bộ, Giám đốc Học viện Tòa án, Trưởng ban Ban Thanh tra Tòa án nhân dân tối cao và các đơn vị liên quan có trách nhiệm thực hiện quy chế này./.

CHÁNH ÁN

Trương Hòa Bình